

TỪ NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ GIÁO DỤC PHƯƠNG TÂY NGHĨ VỀ TRIẾT LÝ GIÁO DỤC VIỆT NAM

NGÔ MINH OANH*

TÓM TẮT

Bài viết trình bày một cách hệ thống và khái quát lịch sử giáo dục phương Tây qua các giai đoạn với những đặc điểm và triết lý giáo dục thực tế trong việc xây dựng nền giáo dục phục vụ cho chế độ và phát triển xã hội. Từ đó, khái quát về triết lý giáo dục trong lịch sử dân tộc và đề xuất việc xây dựng một triết lý giáo dục cho Việt Nam trong thế kỉ XXI.

Từ khóa: triết lý giáo dục, phương Tây, Việt Nam.

ABSTRACT

Based on studying the history by Western education, thinking about the educational philosophy of Vietnam

This article presents a systematic overview of the history of Western education with characteristics and practical philosophies of education in building the education for regimes and social development through some important stages. Thereby, the author reviews the educational philosophies in Vietnamese history and proposes the development of the educational philosophy for Vietnam in the 21st century.

Keywords: the educational philosophy, Western education, Vietnam.

1. So với phương Đông, nền văn minh phương Tây ra đời chậm hơn đến cả thiên niên kỉ. Khi phương Đông đã gặt hái được những thành tựu rực rỡ của văn minh thì phương Tây đang đắm chìm trong lạc hậu và dã man. Họ đã tiếp thu những thành tựu văn minh của người phương Đông thông qua người Ả Rập để làm giàu thêm kho tàng tri thức của mình. Những phát minh vĩ đại của người phương Đông (Trung Quốc) đã được người phương Tây sử dụng một cách hiệu quả cho sự phát triển.

Kĩ thuật làm giấy và kĩ thuật in thay vì dùng để in lá bùa, chú... phục vụ cho cúng bái của người Trung Quốc đã được người phương Tây sử dụng để in tài liệu

phổ biến khoa học và in sách giáo khoa phục vụ cho giáo dục nhà trường. Trường học ra đời sớm và giáo dục phát triển là một trong những nguyên nhân làm cho xã hội Tây Âu vào thời hậu kì trung đại và thời cận đại đã bứt phá một cách ngoạn mục để lại phương Đông trì trệ ở đẳng sau. Giáo dục phương Tây với những triết lý của họ thật đáng nghiên cứu và suy ngẫm.

1.1. Trong thời kì chiếm hữu nô lệ, hai quốc gia tiêu biểu của nền văn minh phương Tây là Hi Lạp và La Mã đã có đạt được những thành tựu về giáo dục. Hi Lạp là một quốc gia cổ đại bao gồm vùng lãnh thổ phía Nam bán đảo Ban-căng, các đảo trên biển Êgiê và vùng phía Tây Tiểu Á. Còn La Mã, khi mới ra đời nằm trên vùng đất bán đảo Italia. Thời kì phát triển mạnh nhất La Mã đã mở rộng lãnh thổ

* PGS TS, Viện trưởng Viện Nghiên cứu Giáo dục Trường ĐHSPTPHCM

của mình bao gồm cả vùng Nam Âu, vùng phía Đông Địa Trung Hải, vùng Bắc Phi và vùng phía Tây bao gồm các quốc gia ven bờ Đại Tây Dương. Lãnh thổ La Mã rộng lớn đến mức, biển Địa Trung Hải như là một cái hồ nhỏ nằm lọt trong lãnh thổ đế quốc.

Thời kì Hi Lạp - La Mã là thời kì lãnh thổ chưa định hình ổn định, những cuộc chiến tranh giữa các thành bang và giữa các nước thường xuyên xảy ra. Do những yếu tố không thuận lợi về sản xuất nông nghiệp, nhưng bù lại hai quốc gia này có nhiều thuận lợi về buôn bán, giao thương ở trên biển. Chiến tranh và thương mại đều phải cần đến những con người quả cảm, gan dạ để luôn giành phần thắng về mình. Những chiến binh dũng cảm dưới ngọn cờ của vua Odyssey trong thiên anh hùng ca Italiad và Odyssey là những hình ảnh lí tưởng, là nguyện vọng của người dân Hi Lạp muốn gửi gắm.

Từ những yêu cầu của công cuộc giao thương hàng hải, việc bảo vệ và mở rộng lãnh thổ, nền giáo dục Hy Lạp đã tổ chức đào tạo hướng đến đáp ứng những đòi hỏi của xã hội. Giai cấp chủ nô và tầng lớp quý tộc đã tổ chức nền giáo dục đào tạo ra những học trò theo mẫu hình mà họ mong muốn: “Con trai các nhà quý tộc được đào tạo trong các vương phủ theo chiều hướng thiên anh hùng ca để trở thành các quân nhân can đảm, dám hi sinh để bảo vệ lãnh thổ quốc gia. Các thanh niên này sau sẽ trở thành những phần tử ưu tú, các anh hùng của chế độ”. [7, tr.33]

Ở thành bang Sparta, học tập quân sự và công dân giáo dục đóng vai trò quan trọng nhất với mục đích đào tạo các chiến sĩ dũng cảm, sẵn sàng đóng góp, hi sinh cho tổ quốc: “Học sinh tùy theo tuổi được sắp xếp học tập trong các đơn vị do các chiến sĩ trẻ tuổi đảm trách. Đây là những trung tâm giáo dục tập thể, thoát li gia đình, sống cuộc đời hoàn toàn quân ngũ với những đồng phục giản dị, ngủ trên đất, ăn uống thiếu thốn và nhiều khi phải tự mưu sinh. Kỉ luật trường học nghiêm ngặt, học sinh tham gia huấn luyện vào cả ban ngày và ban đêm với những môn quân sự, chiến tranh đặc biệt là phải tuân lệnh thượng cấp một cách mù quáng. Từ những học sinh này, thành bang Sparta đã có một đội quân rất hùng mạnh. Tất cả con trai Sparta không chỉ đều phải rèn luyện trong các trường học quân sự của nhà nước, đến năm 20 tuổi thì phải tham gia quân đội cho đến năm 60 tuổi”. Có thể nói, nhờ đội ngũ những “chiến binh” này mà Sparta đã tồn tại và phồn thịnh trong nhiều thế kỉ”. [7, tr.33]

Khác với thành bang Sparta, Athens, là một thành bang có chế độ chính trị dân chủ nhất ở Hi Lạp. Có lẽ vì thế mà ở Athens trường học được thực hiện theo một chương trình giáo dục không chú trọng quá nhiều đến quân sự mà chú trọng đến việc đào tạo mẫu người “khôn ngoan và đạo đức” để phục vụ cho công việc thương mại ở trên biển. Để phục vụ mục tiêu đó, các phương pháp giáo dục mới đã xuất hiện, như: Giáo dục “thực tế và đa dạng” của Aristotle, giáo dục “diễn thuyết” của Sophist, giáo dục “đối thoại” của Socrates, giáo dục “lí

tưởng” của Platon... Aristotle đã tuyên bố về triết lý giáo dục của mình như sau: “Không ai có thể nghi ngờ được rằng các nhà làm luật phải chú trọng đặc biệt vào việc giáo dục tuổi trẻ hơn bất cứ vấn đề nào khác... Công dân phải được rèn luyện theo đường lối tổ chức chính quyền đương thời”. [7, tr.39]

Tuy có kế thừa giáo dục Hi Lạp, nhưng La Mã chú trọng hơn đến giáo dục gia đình. Với thanh niên La Mã, họ được chấm dứt giáo dục gia đình khi tròn 16 tuổi, sau đó được gửi đi thực tập nghề nghiệp hay thực hiện nghĩa vụ quân sự. Khởi đầu với tư cách là một quân nhân, dần dần họ được đào tạo để trở thành cấp chỉ huy. Như vậy người thanh niên La Mã được đào tạo theo truyền thống gia đình và xã hội, được chú trọng về quân sự. Giáo dục được hướng đến như là một sự noi gương các bậc huynh trưởng với những hình ảnh thực tế của nó.

1.2. Thời trung đại, Tây Âu bước vào chế độ phong kiến từ thế kỉ thứ V với sự diệt vong của đế quốc Tây La Mã. Sự kiện này đánh dấu chế độ chiếm hữu nô lệ kết thúc. Các vương quốc mới thành lập trên lãnh thổ đế quốc Tây La Mã đi vào con đường phong kiến. Xã hội phong kiến với hai giai cấp chủ yếu là giai cấp địa chủ phong kiến và giai cấp nông dân. Hình thức bóc lột chủ yếu là địa tô phong kiến - một nghĩa vụ nặng nề mà những người nông dân lĩnh canh phải gánh chịu. Ki-tô giáo bị đàn áp dã man từ khi mới ra đời, thì nay đã trở thành một thế lực mạnh chi phối đời sống tinh thần và văn hóa xã hội. Vương quyền (nhà vua) và thần quyền (giáo hội) đã dựa vào nhau,

câu kết chặt chẽ để thống trị nhân dân. Trong cơ cấu xã hội, tầng lớp tăng lữ và giai cấp quý tộc phong kiến là đẳng cấp trên nắm quyền thống trị xã hội. Một bộ phận quý tộc phong kiến là tầng lớp “kị sĩ” trở thành mẫu người lí tưởng trong xã hội phong kiến. Họ là những người luôn trung thành với lãnh chúa, sùng đạo và tôn thờ người đẹp... mà xã hội luôn ca ngợi. Họ chính là sản phẩm của nhà trường phong kiến Tây Âu bên cạnh tầng lớp tăng lữ được đào tạo trong các nhà trường tôn giáo.

Giáo dục thời phong kiến Tây Âu có 2 loại trường chính: trường của giáo hội và trường của lãnh chúa phong kiến.

Đối với loại trường của giáo hội, với thế lực ngày càng mạnh, bên cạnh việc phát triển của hệ thống nhà thờ, hệ thống trường học giáo hội cũng ra đời và phát triển nhanh chóng. Mục đích của giáo dục nhà thờ không gì khác hơn là đào tạo ra tầng lớp tăng lữ để hiểu Chúa, tin Chúa và đảm nhận sứ mệnh truyền giáo lí của tôn giáo. Người phụ trách và giảng dạy trong các trường nhà thờ là các tăng lữ với ngôn ngữ của Chúa - tiếng La-tinh được dùng để giảng dạy cho học sinh. Học sinh được chú trọng rèn luyện khả năng viết và nhớ, không được phép hoài nghi mà chỉ biết chấp nhận những gì thầy đã dạy. Những môn học đã được dạy với tính thực dụng của nó: Nắm vững ngữ pháp tiếng La-tinh để hiểu kinh thánh, sách vở tôn giáo; học phép biện chứng để học sinh có khả năng bảo vệ được những tín điều tôn giáo; thuật hùng biện để thuyết phục tín đồ.v.v.

Với trường học phong kiến, giai cấp quý tộc phong kiến đã dùng giáo dục để đào tạo ra tầng lớp kị sĩ - những người giỏi về cung kiếm và có nghĩa vụ bảo vệ cho chính quyền phong kiến. Họ là những người sống bằng nghề cung kiếm với những phẩm chất cần có là theo ý Chúa, trung thành và dốc hết sức mình để bảo vệ các lãnh chúa. Họ được giáo dục qua các giai đoạn “thị đồng” hay “tòng sĩ” mà phần lớn thời gian đều ở các “trường học gia đình” trong lâu đài của các lãnh chúa. Nội dung học tập là những phẩm chất đạo đức phong kiến như lòng trung thành tuyệt đối và triệt để chấp hành mệnh lệnh cấp trên. Các môn học cuối ngựa, ném lao, đánh kiếm, săn thú... cũng được dạy với mục đích hết sức thực dụng là trở thành những người bảo vệ đắc lực cho tôn chủ. Đến năm 21 tuổi, nếu cậu học trò “tòng sĩ” đã nắm vững đầy đủ đạo đức phong kiến, có những hiểu biết cần thiết về ba lĩnh vực: tôn giáo, chiến tranh và ái tình thì sẽ được phong làm kị sĩ với một nghi lễ long trọng.

Do mục đích giáo dục chỉ nhằm đào tạo ra những con người phục vụ nhà thờ và lãnh chúa phong kiến một cách mù quáng nên những nội dung học tập chủ yếu là kinh thánh, quân sự mà thiếu vắng bóng dáng của các môn khoa học, nhất là khoa học tự nhiên.

Sự xuất hiện các thành thị thời trung đại làm cho bộ mặt Tây Âu có nhiều thay đổi. Với sức mạnh kinh tế của mình, các thành thị đã tự giải phóng ra khỏi sự ràng buộc vào các lãnh chúa để trở thành không những là một trung tâm kinh tế mà còn là trung tâm văn hóa, giáo

dục của xã hội Tây Âu thời trung đại. Hoạt động văn hóa ở thành thị ngày càng phong phú, các trường học thế tục dần dần xuất hiện. Từ thế kỉ thứ XII, các trường đại học ở Tây Âu lần lượt ra đời, trong đó có các trường rất nổi tiếng như trường Đại học Paris (1150); Đại học Oxford (1167); Đại học Cambridge (1233); Đại học Bôlônơ (1388); Đại học Heidenburg (1385); Đại học Harvard (1636)...

Vào các thế kỉ XV - XVI, ở Tây Âu mặc dù quan hệ sản xuất phong kiến vẫn còn chiếm vị trí thống trị nhưng quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa đã ra đời và phát triển mạnh mẽ. Từ sau những cuộc phát kiến địa lí, châu Âu hoàn toàn bị lôi cuốn vào một thời kì phát triển mới - thời kì tích lũy tư bản chủ nghĩa. Tình hình đó đòi hỏi giáo dục phải thay đổi cho phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Châu Âu bắt tay xây dựng một chương trình và triết lí giáo dục mới: giáo dục thế tục, nhân văn và khoa học. Sản phẩm của nền giáo dục cũ đào tạo ra những con người sùng đạo và trung thành không còn phù hợp nữa mà phải thay vào đó là sản phẩm của giáo dục phải là những con người có hiểu biết về tự nhiên và xã hội, có năng lực làm giàu và biết hành động vì chủ nghĩa nhân văn.

Chủ nghĩa nhân văn trong thời kì văn hóa phục hưng là cơ sở cho việc nở rộ những thành tựu khoa học và giáo dục. Giáo dục đã tách khỏi nhà thờ khi nội dung học tập là các môn khoa học, thầy giáo là những nhà khoa học và nhà sư phạm chứ không phải là các thầy tu như trước. Các nhà giáo dục đã giảng dạy cho

học trò và lí giải các vấn đề chuyên môn một cách khoa học, không bị ràng buộc bởi giáo lí tôn giáo. Nội dung dạy học trong các trường ngoài các môn khoa học xã hội nhân văn như văn học, hùng biện, triết học... còn có cả các môn khoa học tự nhiên như toán, lí, kĩ thuật và đặc biệt rất chú trọng đến phương pháp quan sát, thí nghiệm, thực hành trong dạy học. Đây là một chương trình giáo dục rất bao quát với triết lí thực dụng: dạy học phục vụ cho nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, như tuyên bố của Tomas More: “Thực thi một chế độ giáo dục mới, tiến bộ để thay thế cho trật tự đương thời của chế độ phong kiến về giáo dục”.

1.3. Bước sang thời cận đại, dưới ngọn cờ của giai cấp tư sản đang lên, trên cơ sở những tư tưởng nhân văn thời Phục hưng và thời Khai sáng, giáo dục cận đại châu Âu chủ trương giải phóng con người và tập hợp quần chúng nhân dân làm cách mạng tư sản lật đổ chế độ phong kiến, xác lập chủ nghĩa tư bản. Tư tưởng giáo dục tiến bộ tiếp tục được đề cao: Coi giáo dục là vạn năng, dùng giáo dục để thay đổi xã hội; giáo dục con người phát triển toàn diện, đạo đức, trí tuệ, thể chất và kĩ năng lao động; coi trọng khoa học tự nhiên và chú trọng đến các phương pháp dạy học tích cực, thực hành.... Có thể nói, vào các thế kỉ XVIII - XIX giáo dục thế tục đã thắng thế với ba đặc điểm được ghi nhận là dùng tiếng mẹ đẻ, ngôn ngữ địa phương hay ngôn ngữ dân tộc làm quốc ngữ thay thế cho tiếng La-tinh; việc giảng dạy các môn khoa học được xây dựng thành chương trình, nhất là khoa học tự nhiên, kĩ thuật; phương pháp sư

phạm khoa học hơn bằng việc dạy học phải dựa vào những đặc điểm tâm sinh lí học sinh, phương pháp dạy học tích cực được chú trọng. [7, tr.38]

Sau thắng lợi của các cuộc cách mạng tư sản ở Anh, Bắc Mỹ, Pháp... và cho đến giữa thế kỉ XIX, chủ nghĩa tư bản đã xác lập thành một hệ thống thế giới. Cách mạng công nghiệp được mở đầu từ nước Anh sau đó lan ra các nước Âu - Mỹ làm cho lực lượng sản xuất phát triển mạnh mẽ. Những đòi hỏi đáp ứng lực lượng sản xuất cho nền sản xuất công nghiệp, trong đó nhân tố con người là yêu cầu tối cần thiết đã tác động đến nhà trường và giáo dục. Thời gian này đã có sự xuất hiện các nhà giáo dục lớn cùng với những tư tưởng tiến bộ của họ, coi giáo dục là nhu cầu chính đáng của mọi công dân. Họ đề cao lí luận sư phạm, tôn trọng nhân cách của học sinh, đặc biệt là nội dung giáo dục con người được chú trọng nhiều mặt: từ đức dục, trí dục, thể dục... là những phẩm chất và năng lực cần có của người lao động trong một nền công nghiệp hiện đại.

Giai đoạn cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX, khi chủ nghĩa tư bản đã phát triển đến đỉnh cao, thì các nền giáo dục phương Tây lại một lần nữa đề ra những yêu cầu mới cho giáo dục. “Nền giáo dục mới”, “nhà trường mới” là những thuật ngữ phát sinh trong thời gian này và được xã hội quan tâm. Người ta đã dành cho giáo dục những gì tốt nhất với những nội dung hết sức thực tế là chuẩn bị cho người lao động vốn tri thức và kĩ năng tối thiểu nhằm đem lại năng suất lao động và lợi nhuận cao nhất cho nhà tư bản. Đã

xuất hiện nhiều tư tưởng mới về giáo dục như: “Nhà trường mới” của Reddie (Anh); “Nền giáo dục công dân” và “Nhà trường lao động” của Kerschensteiner (Đức); “Giáo dục thực nghiệm” của Alfred Binet (Pháp); “Giáo dục thực dụng” của John Dewey, James (Mỹ)...

1.4. Như vậy, loại trừ những mặt hạn chế của giáo dục Tây Âu, chúng ta thấy rằng trong các giai đoạn phát triển của lịch sử, giáo dục Tây Âu vừa là sản phẩm của một thời đại, gắn rất chặt (phục vụ) những yêu cầu kinh tế - xã hội của thời đại đó, vừa là động lực mạnh mẽ thúc đẩy nền kinh tế và xã hội phát triển.

Những nội dung và hình thức giáo dục được đề ra và thực hiện đều xuất phát từ thực tiễn và yêu cầu của đời sống kinh tế - xã hội. Triết lý giáo dục của Tây Âu không gì khác hơn là giáo dục vừa là sản phẩm vừa là động lực thúc đẩy xã hội phát triển. Triết lý giáo dục của họ không lơ lửng trên không trung mà đều xuất phát từ cơ sở kinh tế - xã hội của một quốc gia, một thời đại.

Giáo dục phương Tây từng bước hoàn thiện nội dung và hình thức giáo dục. Nội dung đào tạo theo hướng giáo dục toàn diện từ nội dung các môn học Khoa học xã hội và Tự nhiên, chú trọng rèn luyện thể lực song song với rèn luyện trí lực. Việc truyền thụ kiến thức thông qua việc thực hành, thí nghiệm, quan tâm đến hoạt động của cá thể và sự hứng thú học tập của học sinh.

Các nền giáo dục phương Tây đều chú trọng đến đào tạo ra hình mẫu con người mà xã hội cần đến. Quan tâm đến “giáo dục lý tưởng” cho một lớp người kế

tục việc quản lý xã hội mà chế độ đó đang hướng tới. Tính thực tế/ thực dụng trong giáo dục đào tạo luôn chi phối các triết lý và thực thi của các nền giáo dục phương Tây.

2. Việt Nam có một lịch sử giáo dục lâu đời và đạt được nhiều thành tựu. Qua nhiều thời kì lịch sử khác nhau, giáo dục đã đóng góp không nhỏ vào sự nghiệp “kinh bang tế thế” của dân tộc.

Nền giáo dục truyền thống của ta trong thời phong kiến đã chịu ảnh hưởng của nền giáo dục phong kiến Trung Hoa – giáo dục Nho giáo. Giáo dục Nho giáo lấy đạo “trung quân” làm mục tiêu hướng tới và sản phẩm “khuôn vàng thước ngọc” là đào tạo ra “người quân tử”. Từ đó “Tam cương”, “ngũ thường” trở thành một chuẩn mực để giáo dục phải theo. Sách thánh hiền “tứ thư”, “ngũ kinh” là những bộ sách giáo khoa không thể thiếu trong dạy học. Sĩ tử tham nhuần trong sách thánh hiền những gương sáng người xưa về đối nhân xử thế, về cách cai trị để mà “tề gia”, “trị quốc” và cao hơn nữa là “bình thiên hạ”. Khi vượt qua được các “trường thí” thì người học được bổ đi làm quan, thực hiện điều hệ trọng nhất trong “tam cương” là cặp quan hệ “quân - thần” mà trung quân là tiêu chuẩn của người “ái quốc”. Sự phiến diện trong nội dung giáo dục và mục tiêu giáo dục Nho giáo đã làm trì trệ nền giáo dục nước nhà, là lực cản cho sự phát triển của đất nước.

Trong thời kì thuộc Pháp, ý thức được tầm quan trọng của giáo dục đối với công cuộc khai thác thuộc địa, Pháp đã áp đặt nền giáo dục phương Tây vào nước ta. Trong bối cảnh nền giáo dục

Nho giáo đang hồi suy tàn với một lối dạy học lạc hậu, nội dung phiến diện không đáp ứng được yêu cầu đào tạo nhân tài cho đất nước, thì nền giáo dục phương Tây đã đưa đến những yếu tố mới cho nền giáo dục. Đó là việc tổ chức hệ thống trường học, cấp học, lớp học có hệ thống bài bản, với hình thức tổ chức dạy học tập trung. Học sinh được tổ chức học thành lớp có cùng độ tuổi, giống nhau về tâm sinh lí, cùng học một chương trình thống nhất, đa dạng về loại hình trường lớp và được tổ chức rộng khắp. Chương trình được xây dựng với nội dung giáo dục toàn diện không chỉ có khoa học xã hội mà cả khoa học tự nhiên, kĩ thuật, ngoại ngữ... Giáo dục thời thuộc Pháp đã đào tạo được một đội ngũ trí thức Tây học mặc dù có chịu ảnh hưởng của nền văn hóa Pháp nhưng họ đã nhận thức được sự đối xử bất bình đẳng, miệt thị của người Pháp đối với người bản xứ. Trừ một số cam tâm làm tay sai cho Pháp, còn phần lớn họ có lòng yêu nước, gắn bó với các phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân. Đó là những hệ quả khách quan tích cực nằm ngoài mục đích của thực dân Pháp.

Nền giáo dục thời Pháp thuộc vẫn là một nền giáo dục thực dân, phục vụ cho mục đích cai trị của Pháp tại Đông Dương: Gieo rắc những tư tưởng nô dịch, tuyên truyền cho văn hóa, tư tưởng “mẫu quốc”, chủ yếu phục vụ con em người Pháp và quan lại người Việt thân Pháp, phần lớn nhân dân ta vẫn ở trong đói nghèo, lạc hậu và mù chữ.

Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công mở ra một trang sử mới. Độc

lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là nền tảng và định hướng cơ bản cho hoạch định một triết lí giáo dục. Một nền giáo dục mới đã được xác lập cho phù hợp với hoàn cảnh mới của đất nước. Ngay trong năm học đầu tiên sau Cách mạng, Đại hội Giáo giới toàn quốc đã xác định 3 nguyên tắc xây dựng nền giáo dục Việt Nam là “Dân tộc – Khoa học – Đại chúng”. Trải qua các lần cải cách, điều chỉnh 1950, 1956, 1981... nền giáo dục đã dần dần được hoàn thiện đáp ứng được yêu cầu cao nhất của sự nghiệp giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước. Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, bao thế hệ thanh niên ưu tú – sản phẩm của nền giáo dục cách mạng đã không tiếc máu xương, hi sinh vì sự nghiệp giải phóng dân tộc và thống nhất tổ quốc. Trong hoàn cảnh đất nước có chiến tranh, chúng ta không có thời giờ để đặt ra và thảo luận cho ra lẽ vấn đề triết lí của nền giáo dục của chúng ta là gì, nhưng kết quả sản phẩm của nền giáo dục đạt được đã là câu trả lời cho câu hỏi về triết lí giáo dục: Nền giáo dục phục vụ cho nhiệm vụ cao cả của dân tộc, của thời đại mà sản phẩm của nó là đào tạo ra những con người “vừa hồng, vừa chuyên”¹ yêu nước, sẵn sàng cống hiến cho yêu cầu của đất nước.

Đất nước thống nhất, cả nước cùng phấn đấu cho một mục tiêu chung vì sự nghiệp “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh”. Đại hội Đảng lần thứ XI tiếp tục khẳng định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội là con đường mà dân tộc ta đã chọn. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kì quá độ

lên chủ nghĩa xã hội quyết định chiến lược: “tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển nhanh, bền vững; phát huy sức mạnh toàn dân tộc, xây dựng nước ta trở thành nước công nghiệp, theo định hướng xã hội chủ nghĩa” [1, tr.39]. Trong phần Quan điểm phát triển, Cương lĩnh cũng chỉ rõ: “Phát huy tối đa nhân tố con người; coi con người là chủ thể, nguồn lực chủ yếu và là mục tiêu của sự phát triển” [1, tr.47]. Trong báo cáo chính trị của Đại hội, phần giáo dục - đào tạo cũng được khẳng định chủ trương “phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao”; “đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục – đào tạo”; “thực hiện đồng bộ các giải pháp phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục – đào tạo”. [1, tr.120]

Như vậy, Đảng đã khẳng định rõ về chế độ chính trị mà chúng ta tiếp tục xây dựng với những cơ sở kinh tế và xã hội đặc trưng của nó. Giáo dục đào tạo là một hình thái ý thức xã hội, một bộ phận của kiến trúc thượng tầng, không thể không chịu sự chi phối của cơ sở hạ tầng. Triết lý giáo dục chính là hệ thống quan điểm, chủ trương, phương hướng được cụ thể hóa trong nội dung, hình thức đào tạo và mục tiêu hướng tới (chuẩn mực) của sự nghiệp giáo dục – đào tạo. Những quan điểm, chủ trương này cũng như nội dung, hình thức và mục tiêu nói trên phải phù hợp và đáp ứng với yêu cầu thực tế của đất nước.

Hiện nay, chúng ta đang trong thời kì quá độ, chuẩn bị cơ sở vật chất cho chủ nghĩa xã hội bằng việc “hoàn thiện nền kinh tế thị trường theo định hướng xã

hội chủ nghĩa”. Trong bối cảnh toàn cầu hóa đang diễn ra sôi động, chúng ta còn phải “vừa phát huy nội lực vừa hội nhập quốc tế”. Vì thế triết lý giáo dục mà chúng ta hướng tới, thiết nghĩ, cần phải giải quyết những vấn đề sau đây:

2.1. Theo yêu cầu phát triển của đất nước trong thế kỉ XXI, ngành giáo dục – đào tạo có nhiệm vụ đáp ứng nguồn lực con người. Để làm tốt nhiệm vụ trọng đại đó, chúng ta phải xác định được “Chuẩn con người Việt Nam thế kỉ XXI” với những định hướng giá trị phù hợp. Đây là con người vừa truyền thống vừa hiện đại, vừa có những phẩm chất đặc trưng của con người Việt Nam như yêu nước, cần cù, nhân ái... vừa có những phẩm chất của “công dân quốc tế” - con người hiện đại như trình độ văn hóa, chuyên môn nghề nghiệp cao, có lối sống, tác phong công nghiệp, có khả năng hội nhập quốc tế...

2.2. Từ chuẩn mực đó, chúng ta xây dựng hệ thống quan điểm, định hướng cho việc tổ chức một nền giáo dục “mở”: Đa dạng hóa loại hình trường, lớp đảm bảo cho mọi công dân đều được học suốt đời. Bên cạnh nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài, chú trọng đặc biệt nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực theo yêu cầu phát triển vì đây là lực lượng chủ chốt xây dựng đất nước. Giao quyền chủ động cho các trường trong nhiệm vụ đào tạo, chịu trách nhiệm trước xã hội về chất lượng, khuyến khích cạnh tranh lành mạnh về chất lượng giáo dục trên cơ sở những định hướng chung của nhà nước.

2.3. Từ cơ sở “Chuẩn con người Việt Nam thế kỉ XXI” và hệ thống quan điểm,

định hướng của nền giáo dục, chúng ta mới lựa chọn những nội dung và phương pháp đào tạo phù hợp, trong đó xây dựng được một chương trình đào tạo tốt với những nhóm kiến thức, kỹ năng theo chuẩn đã ra đã được phác thảo. Bên cạnh giáo dục cho người học những phẩm chất cần có theo truyền thống dân tộc, các nhóm nội dung kiến thức cần phải trang bị là: Nhóm kiến thức nền tảng; nhóm kiến thức nghề nghiệp chuyên môn; nhóm kiến thức công cụ và phương pháp

để hợp tác, hội nhập và học tập suốt đời; nhóm kỹ năng sống...

3. Bàn về triết lý giáo dục là một chủ đề khó, bàn cho ra lẽ lại càng khó hơn. Nhưng việc định hình được một triết lý giáo dục đối với nền giáo dục nước ta có ý nghĩa vô cùng quan trọng, nó có tác dụng định hướng cho chúng ta trong bối cảnh nền giáo dục đang rất cần sự đổi mới để phát triển. Với nhận thức trên, xin được góp chút ý kiến thảo luận về chủ đề này, dù có thể cần phải tiếp tục được hoàn chỉnh.

¹ Từ dùng của Chủ tịch Hồ Chí Minh

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Tuyên giáo Trung ương (2011), *Tài liệu học tập các văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
2. Phan Trọng Báu (2006), *Giáo dục Việt Nam thời cận đại*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2011), *Kỷ yếu Hội thảo quốc gia về Khoa học giáo dục Việt Nam*, tập I&II, Hải Phòng.
4. Phạm Minh Hạc (1996), *Mười năm đổi mới giáo dục*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
5. Đinh Xuân Lâm chủ biên (1997), *Đại cương lịch sử Việt Nam*, tập II, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
6. Phan Ngọc Liên (2006), *Giáo dục và khoa cử Việt Nam*, Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
7. Đoàn Huy Oánh (2004), *Sơ lược lịch sử giáo dục*, Nxb Đại học Quốc gia TP HCM.
8. Nguyễn Gia Phú (1998), *Lịch sử thế giới trung đại*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
9. Hà Nhật Thăng, Đào Thanh Âm (1997), *Lịch sử giáo dục thế giới*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
10. Nguyễn Quang Thắng (1993), *Khoa cử và Giáo dục Việt Nam*, Nxb Văn hóa – Thông tin, Hà Nội.
11. Nguyễn Đăng Tiến, (1996), *Lịch sử giáo dục Việt Nam trước Cách mạng tháng 8-1945*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 22-8-2011; ngày chấp nhận đăng: 23-9-2011)